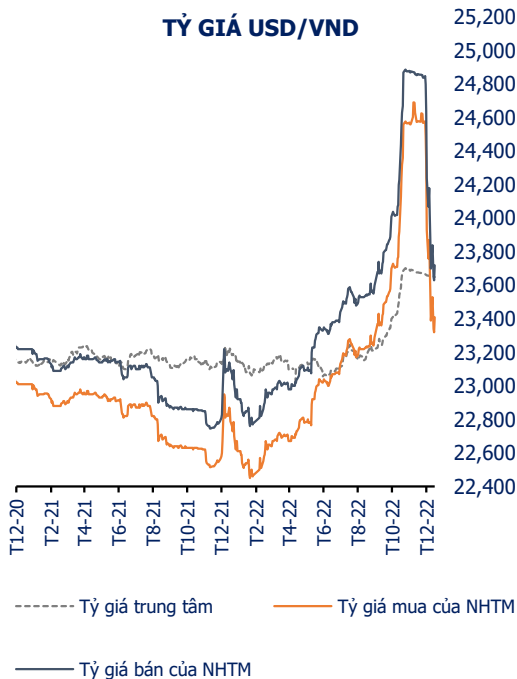


## TỶ GIÁ USD/VND



## THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ

Tuần qua, lãi suất VND liên ngân hàng giảm khá mạnh ở hầu hết các kỳ hạn ngoại trừ kỳ hạn 3 tháng và 9 tháng. Cụ thể, lãi suất VND liên ngân hàng kỳ hạn qua đêm (ON) giảm 0.99% chốt phiên cuối tuần ở mức 5.28%, lãi suất kỳ hạn 1 tuần (1W) giảm xuống 5.97% (tương đương giảm 0.9%). Tổng khối lượng giao dịch trên thị trường liên ngân hàng tuần qua đạt 1,189 nghìn tỷ đồng, tăng 0.6% so với tuần trước. Trong đó, kỳ hạn qua đêm và 1 tuần có khối lượng giao dịch chiếm 97.9% tổng khối lượng giao dịch của cả tuần.

## THỊ TRƯỜNG NGOẠI HỐI

Tỷ giá USD/VND nổi rộng xu hướng giảm trong tuần qua. Vào thứ sáu, NHNN tiếp tục điều chỉnh tỷ giá bán USD/VND tại SGDNNHN giảm 50 đồng xuống mức 24,780 USD/VND. Kết tuần, tỷ giá trung tâm của NHNN giảm xuống 23,650 USD/VND (giảm 7 USD/VND so với thứ 6 tuần trước). Tỷ giá mua vào và bán ra tại Vietcombank cùng tăng 20 USD/VND, lên lần lượt 23,440 USD/VND (mua chuyển khoản) và 23,720 USD/VND (bán).

## THỊ TRƯỜNG TRÁI PHIẾU SƠ CẤP

Kho bạc Nhà nước tiến hành gọi thầu tổng cộng 9,000 tỷ đồng TPCP ở các kỳ hạn 10 năm và 15 năm với tỷ lệ trúng thầu đạt 100%. Tổng giá trị TPCP phát hành tính từ đầu năm đạt 51% theo kế hoạch đầu năm. KBNN dự kiến điều chỉnh tổng mức phát hành TPCP trong năm 2022 xuống 215,000 tỷ đồng, tương ứng tổng giá trị TPCP phát hành từ đầu năm tới nay đạt 95% kế hoạch năm theo kế hoạch dự kiến điều chỉnh. Tuần tới, KBNN sẽ gọi thầu 6,000 tỷ đồng ở 2 kỳ hạn (10 và 15 năm).

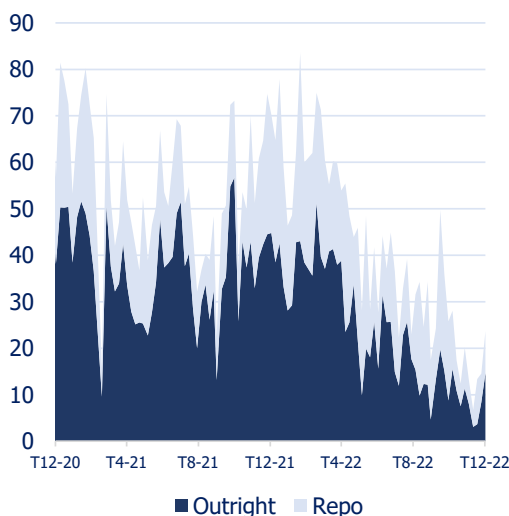
## THỊ TRƯỜNG TRÁI PHIẾU THỨ CẤP

Giá trị giao dịch (GTGD) thị trường thứ cấp đạt hơn 18.39 nghìn tỷ đồng (tăng 40% so với tuần trước) trong đó GTGD thông thường (outright) tăng 16% và GTGD mua bán lại (repo) tăng 57% so với tuần trước. NĐTNN không thực hiện giao dịch TPCP trong tuần. Lợi suất TPCP tại phòng giao dịch của VBMA giảm nhẹ tại tất cả các kỳ hạn.

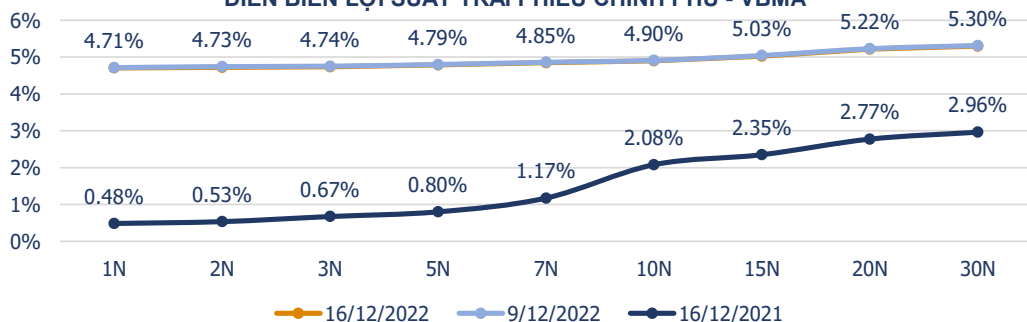
## THỊ TRƯỜNG TRÁI PHIẾU DOANH NGHIỆP

Theo dữ liệu VBMA tổng hợp, tính đến ngày công bố thông tin 16/12/2022, có 8 đợt phát hành TPDN riêng lẻ được ghi nhận trong tháng 12 với tổng giá trị 1,150 tỷ đồng.

## KHỐI LƯỢNG GD OUTRIGHT VÀ REPO



## DIỄN BIẾN LỢI SUẤT TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ - VBMA



# Báo cáo tuần

## Thị trường tiền tệ

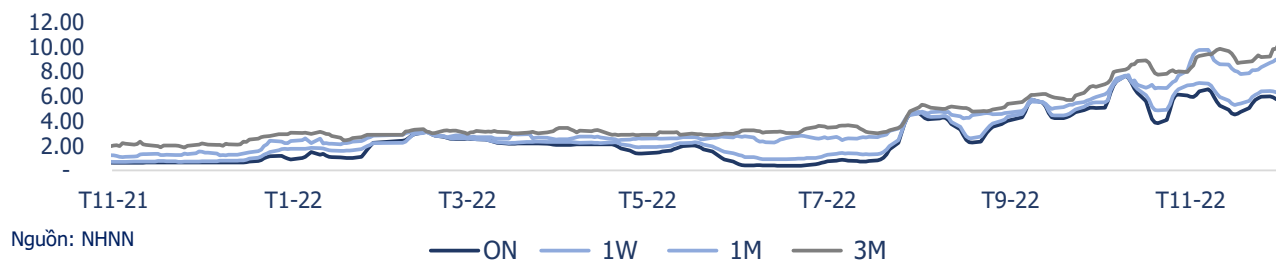
**Lãi suất liên ngân hàng:** Tuần qua, lãi suất VND liên ngân hàng giảm khá mạnh ở hầu hết các kỳ hạn ngoại trừ kỳ hạn 3 tháng và 9 tháng. Cụ thể, lãi suất VND liên ngân hàng kỳ hạn qua đêm (ON) giảm 0.99% chốt phiên cuối tuần ở mức 5.28%, lãi suất kỳ hạn 1 tuần (1W) giảm xuống 5.97% (tương đương giảm 0.9%).

**Khối lượng giao dịch:** Tổng khối lượng giao dịch trên thị trường liên ngân hàng tuần qua đạt 1,189 nghìn tỷ đồng, tăng 0.6% so với tuần trước. Trong đó, kỳ hạn qua đêm và 1 tuần có khối lượng giao dịch lớn nhất, lần lượt đạt 1,131 nghìn tỷ đồng và 34 nghìn tỷ đồng. Tổng khối lượng giao dịch 2 kỳ hạn trên đạt trên 1,165 nghìn tỷ và chiếm 97.9% tổng khối lượng giao dịch của cả tuần.

**Nghiệp vụ thị trường mở:** Tuần qua, NHNN tiếp tục hỗ trợ thanh khoản thị trường trong thời điểm gần Tết Nguyên Đán khi bơm ròng khoảng 26.5 nghìn tỷ đồng thông qua nghiệp vụ thị trường mở. Cụ thể, NHNN bơm ra hơn 20 nghìn tỷ đồng ở kỳ hạn 14 ngày với lãi suất trúng thầu 6% và gần 12 nghìn tỷ đồng ở kỳ hạn 91 ngày với lãi suất từ 6.4%/năm đến 7%/năm. Tuần qua cũng ghi nhận gần 33.7 nghìn tỷ đồng khoản vay ở kênh OMO đến hạn và khối lượng lưu hành trên kênh cầm cố giảm xuống mức 69.7 nghìn tỷ đồng. NHNN không thực hiện phát hành thêm tín phiếu trong tuần và toàn bộ 40 nghìn tỷ đồng tín phiếu còn lại đã đáo hạn.

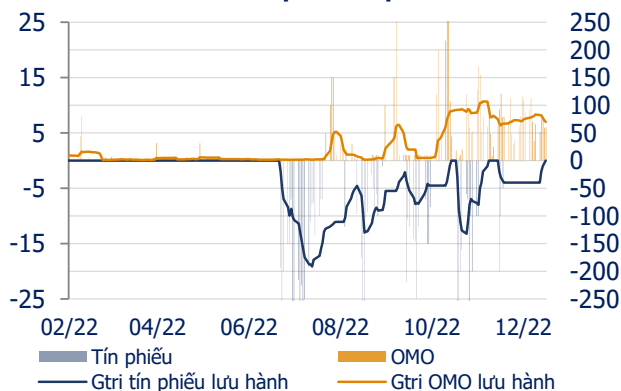
Đvị : %	TB 5 ngày	16/12/2022	9/12/2022	% Đổi tuần trước	% Đổi tháng trước
ON	5.28	4.62	5.61	-99	-1
1W	5.97	5.22	6.12	-90	-6
2W	6.87	5.67	7.03	-136	-86
1M	7.75	7.68	8.16	-48	-10
3M	10.23	10.40	10.25	15	202
6M	10.79	10.94	12.14	-120	189
9M	8.90	9.00	8.50	50	50

## BÌNH QUÂN LÃI SUẤT LIÊN NGÂN HÀNG



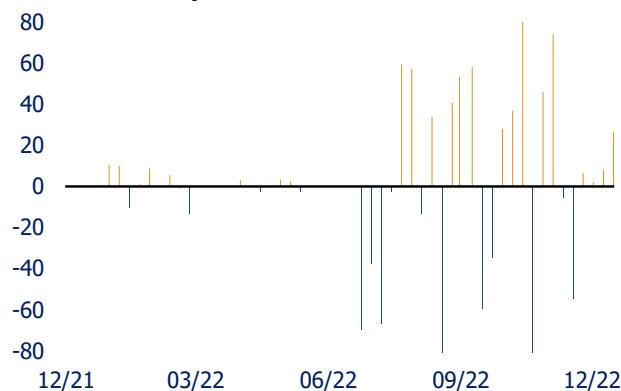
Nguồn: NHNN

## TÍN PHIẾU KHO BẠC VÀ THỊ TRƯỜNG MỞ



Nguồn: NHNN

## KHỐI LƯỢNG TIỀN NHNN BƠM RÒNG

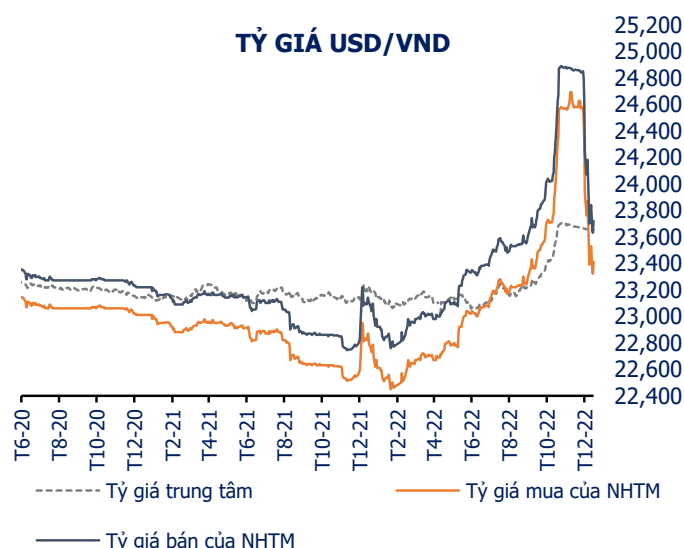


# Báo cáo tuần

## Thị trường ngoại hối

**Tỷ giá USD/VND:** Sau khi lao dốc mạnh theo diễn biến đồng bạc xanh trên thị trường quốc tế, tỷ giá USD/VND giao dịch ổn định hơn trong tuần này với xu hướng giảm vẫn đóng vai trò chủ đạo. Mặc dù chênh lệch VND-USD thu hẹp hơn, nhưng tỷ giá trong nước vẫn đang được hỗ trợ từ (i) việc cung ngoại tệ (dòng kiều hối, FDI) vẫn được duy trì tích cực vào thời điểm cuối năm và (ii) tín hiệu suy yếu của đồng USD trên thị trường thế giới. Vào thứ sáu, NHNN tiếp tục điều chỉnh tỷ giá bán USD/VND tại SGDNNHNN giảm 50 đồng từ mức 24,830 đồng/USD xuống mức 24,780 đồng/USD. Bên cạnh đó, NHNN đã niêm yết trở lại giá mua USD tại SGDNNHNN ở mức 23,450 đồng/USD, ngưỡng hỗ trợ mới cho thị trường sau đợt điều chỉnh giảm giá mạnh của tỷ giá USD/VND, có hiệu lực kể từ ngày 15/12. Kết tuần, tỷ giá trung tâm của NHNN giảm nhẹ xuống 23,650 đồng/USD (giảm 7 đồng so với thứ 6 tuần trước). Trong khi đó, tỷ giá mua vào và bán ra tại Vietcombank cùng tăng 20 đồng, lên lần lượt 23,440 đồng/USD (mua chuyển khoản) và 23,720 đồng/USD (bán).

**Thị trường ngoại tệ:** Thị trường ngoại tệ tuần qua biến động 2 chiều tương đối mạnh khi khởi đầu tuần sụt giảm nhưng lại hồi phục ấn tượng trong 2 ngày cuối tuần. Việc chỉ số CPI lõi (không bao gồm chi phí năng lượng và thực phẩm) tháng 11 tại Mỹ thấp hơn mức kỳ vọng, chỉ đạt 6% so với cùng kỳ năm trước, thấp hơn mức dự báo 6.1% của các nhà kinh tế đã khiến đồng USD bị bán tháo so với tất cả các đồng tiền chủ chốt khác. Hành động giá nhanh chóng đảo chiều vào thứ 5 sau khi Fed nâng dự báo mức đỉnh lãi suất trong năm 2023 lên 5.1% và chủ tịch Powell đưa ra những bình luận cứng rắn về lộ trình tăng lãi suất nhằm kiềm hãm lạm phát. Bên cạnh đó, Fed cũng tăng lãi suất thêm 0.5% lên mức 4.25 - 4.5%. Kết thúc tuần, chỉ số DXY giảm 0.1% xuống 104.7 điểm.



### Tỷ giá trung tâm

	Tỷ giá	% Thay đổi
5/12/2022	23,658	
6/12/2022	23,658	0.000%
7/12/2022	23,660	▲ 0.008%
8/12/2022	23,659	▼ -0.004%
9/12/2022	23,657	▼ -0.008%
12/12/2022	23,655	▼ -0.008%
13/12/2022	23,655	0.000%
14/12/2022	23,654	▼ -0.004%
15/12/2022	23,652	▼ -0.008%
16/12/2022	23,650	▼ -0.008%

Nguồn: NHNN

Nguồn: NHNN, Vietcombank

	16/12/2022	9/12/2022	% Đổi tuần trước	% Đổi đầu năm
VND/USD	0.0000424	0.0000424	-0.14%	-3.18%
EUR/USD	1.0582	1.0530	0.49%	-6.30%
CNY/USD	0.1434	0.1437	-0.21%	-8.84%
JPY/USD	0.7314	0.7321	-0.10%	-15.64%
GBP/USD	1.2140	1.2255	-0.94%	-9.88%
USD index	104.7000	104.8100	-0.10%	8.82%

Nguồn: investing.com

# Báo cáo tuần

## Thị trường TPCP sơ cấp

**Trái phiếu chính phủ:** Kho bạc Nhà nước tiến hành gọi thầu tổng cộng 9,000 tỷ đồng TPCP ở các kỳ hạn 10 năm (6,000 tỷ đồng) và 15 năm (3,000 tỷ đồng) trong tuần qua. Tổng khối lượng trái phiếu trúng thầu là 9,000 tỷ đồng (tương đương tỷ lệ trúng thầu 100%). Lãi suất trúng thầu kỳ hạn 10 năm và 15 năm không thay đổi so với lãi suất trúng thầu gần nhất.

Tổng giá trị TPCP phát hành từ đầu năm tới nay đạt hơn 203 nghìn tỷ đồng (tương đương 51% theo kế hoạch đầu năm). Cụ thể, tổng giá trị phát hành của kỳ hạn 10, 15, 20 và 30 năm lần lượt là 122,812 tỷ đồng (đạt 88% kế hoạch năm), 69,520 tỷ đồng (đạt 46% kế hoạch năm), 2,265 tỷ đồng (đạt 8% kế hoạch năm), 8,625 tỷ đồng (đạt 25% kế hoạch năm). KBNN dự kiến điều chỉnh tổng mức phát hành TPCP trong năm 2022 xuống 215,000 tỷ đồng, tương ứng tổng giá trị TPCP phát hành từ đầu năm tới nay đạt 95% kế hoạch năm theo kế hoạch dự kiến điều chỉnh.

**Trái phiếu chính phủ bảo lãnh:** Ngân hàng Chính sách xã hội gọi thầu không thực hiện gọi thầu trong tuần qua.

**Kế hoạch đấu thầu TPCP trong tuần 12/12 - 16/12/2022:** Trong tuần tới, KBNN tiến hành gọi thầu 6,000 tỷ đồng TPCP ở các kỳ hạn 10 năm (3,000 tỷ đồng) và 15 năm (3,000 tỷ đồng).

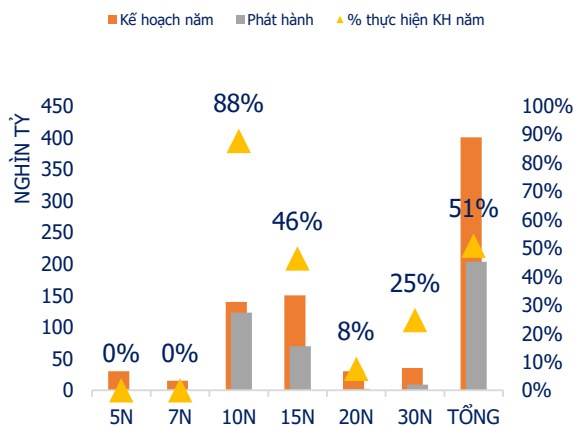
### Kết quả đấu thầu TPCP (tuần 12/12 - 16/12/2022)

STT	Mã TP	TCPH	Kỳ hạn	Ngày	GTGT (tỷ)	GTĐT (tỷ)	GTTT (tỷ)	LSTT (%)	Tổn (bps)
1	TD2237126	KBNN	15	14/12/2022	3,000	9,357	3,000	4.9	0
2	TD2232114	KBNN	10	14/12/2022	6,000	18,010	6,000	4.8	0

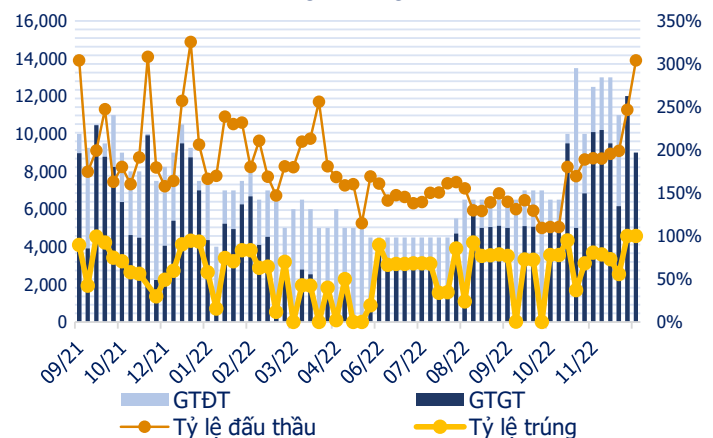
### Kế hoạch đấu thầu (tuần 19/12 - 23/12/2022)

STT	Ngày	TCPH	Mã TP	Kiểu phát hành	Kỳ hạn	Giá trị (tỷ)
1	22/12/2022	KBNN	TD2232114	Bổ sung	10	3,000
2	22/12/2022	KBNN	TD2237126	Bổ sung	15	3,000

### GIÁ TRỊ PHÁT HÀNH THEO KỶ HẠN



### KHỐI LƯỢNG GỌI THẦU VÀ ĐẶT THẦU 2021 - 2022



Nguồn: HNX

Đơn vị: %

# Báo cáo tuần

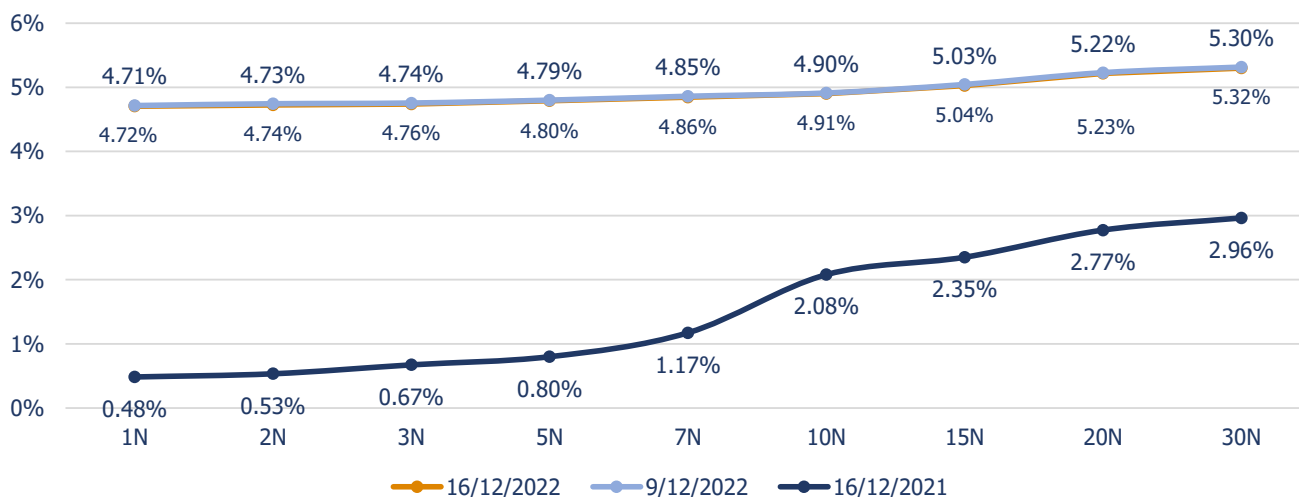
## Thị trường TPCP thứ cấp

**Tình hình giao dịch:** Trong tuần, giá trị giao dịch (GTGD) thị trường thứ cấp đạt hơn 18.39 nghìn tỷ đồng (tăng 40% so với tuần trước) trong đó GTGD thông thường (outright) là 10.92 nghìn tỷ đồng (tăng 16% so với tuần trước) và GTGD mua bán lại (repo) là 7.46 nghìn tỷ đồng (tăng 57% so với tuần trước). GTGD outright trung bình ngày là 2,185 tỷ đồng và GTGD repo trung bình ngày là 1,493 tỷ đồng.

**Nhà đầu tư nước ngoài:** Khối ngoại không phát sinh giao dịch TPCP trong tuần. Lũy kế từ đầu năm tới nay, nhà đầu tư nước ngoài đã bán ròng 7,804 tỷ đồng TPCP.

**Lợi suất trái phiếu chính phủ (theo VBMA):** So với tuần trước, lợi suất TPCP tại phòng giao dịch của VBMA giảm nhẹ ở tất cả các kỳ hạn. Trong đó, các nhà tạo lập thị trường VBMA đã thống nhất chào giá không cam kết thực hiện kể từ ngày 10/10/2022.

DIỄN BIẾN LỢI SUẤT TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ - VBMA

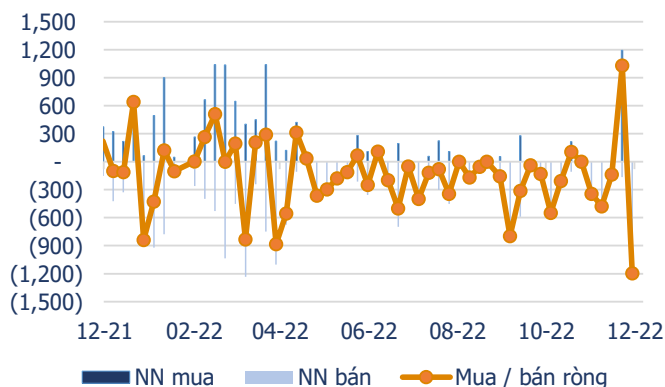


Biến động lợi suất theo phòng giao dịch VBMA

So với	1N	2N	3N	5N	7N	10N	15N	20N	30N
Tuần trước	-1.1	-1.8	-1.7	-0.9	-1.3	-1.1	-1.6	-1.2	-1.6
Tháng trước	-4.8	-3.5	-3.1	-4.0	-3.7	-0.1	0.7	0.1	-2.1

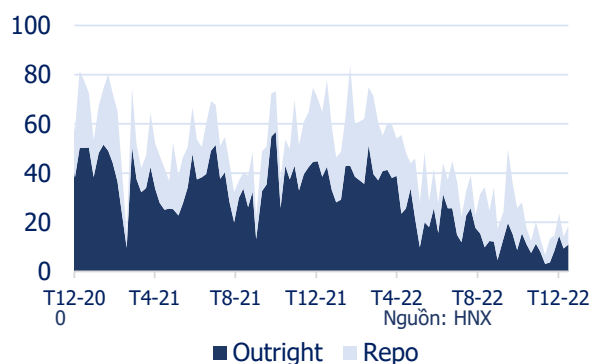
Nguồn: VBMA      Đơn vị: Điểm

GIAO DỊCH NĐT NN 2022



Nguồn: HNX

KHỐI LƯỢNG GD OUTRIGHT VÀ REPO



Đơn vị: nghìn tỷ

Nguồn: HNX

# Báo cáo tuần

## Thị trường trái phiếu doanh nghiệp

### Trái phiếu doanh nghiệp phát hành trong tháng 12/2022:

Theo dữ liệu VBMA tổng hợp từ HNX và SSC, tính đến ngày công bố thông tin 16/12/2022, có 8 đợt phát hành TPDN được ghi nhận trong tháng 12 với tổng giá trị 1,150 tỷ đồng. Trong đó, các đợt phát hành đều có lãi suất thả nổi với lãi suất cho kỳ đầu từ 13% đến 14%/năm, kỳ hạn phát hành trái dài từ 1 đến 7 năm.

So với cùng kỳ năm ngoái, giá trị phát hành trái phiếu ra công chúng từ đầu năm là 10,599 tỷ đồng, giảm 61% (chiếm khoảng 4% tổng giá trị phát hành) và giá trị phát hành trái phiếu riêng lẻ là 244,015 tỷ đồng, giảm 60% (chiếm khoảng 96% tổng giá trị phát hành).

*\*Dữ liệu VBMA tổng hợp được ghi nhận theo ngày phát hành trái phiếu từ HNX và SSC, tổng khối lượng phát hành trái phiếu từ đầu năm ghi nhận theo ngày hoàn thành phát hành là 337,163 tỷ đồng.*

### Trái phiếu doanh nghiệp được mua lại trong tháng 12/2022:

Theo dữ liệu VBMA tổng hợp từ HNX, tính đến ngày công bố thông tin 16/12/2022, tổng giá trị trái phiếu đã được các doanh nghiệp mua lại trước hạn là 12,169 tỷ đồng (giảm 25% so với cùng kỳ tháng 12/2021). Tính từ đầu năm tới nay, tổng giá trị trái phiếu đã được các doanh nghiệp mua lại đạt gần 182,742 tỷ đồng (tăng 38% so với cùng kỳ năm 2021).

*\*Dữ liệu VBMA tổng hợp được ghi nhận theo ngày thực hiện mua lại từ chuyên trang của HNX.*

### Trái phiếu doanh nghiệp đến hạn trong tháng 12/2022:

Theo dữ liệu VBMA tổng hợp, tổng giá trị trái phiếu đến hạn từ nay đến hết tháng 12/2022 là gần 33.5 nghìn tỷ đồng, đều là trái phiếu phát hành riêng lẻ. Trong đó, nhóm ngân hàng có khối lượng đáo hạn lớn nhất với tổng giá trị gần 11.7 nghìn tỷ đồng, tương đương 35% tổng giá trị trái phiếu đến hạn; nhóm bất động sản đứng thứ hai với 8.3 nghìn tỷ đồng, chiếm khoảng 25%.

### Kế hoạch phát hành TPDN năm 2022:

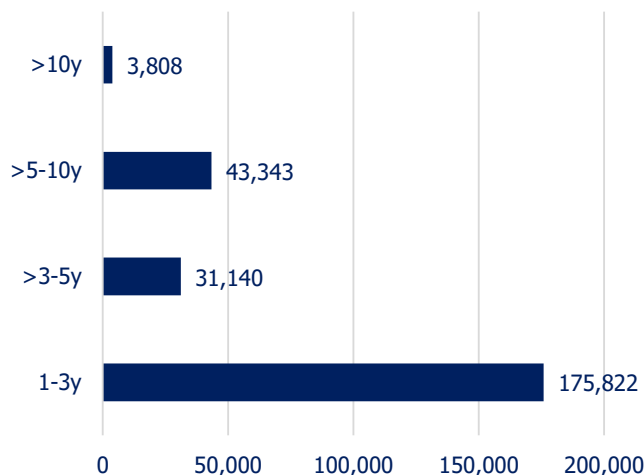
#### NHTMCP Bưu Điện Liên Việt

NHTMCP Bưu Điện Liên Việt vừa công bố kế hoạch phát hành ra công chúng 4,000 tỷ đồng từ quý 4/2022 đến quý 2/2023. Trái phiếu chào bán đợt 1 có giá trị 1,950 tỷ đồng, kỳ hạn 7 và 10 năm với mức lãi suất thả nổi lần lượt là Lãi suất tham chiếu (LSTC) + 2.8%/năm và LSTC + 3.1%/năm.

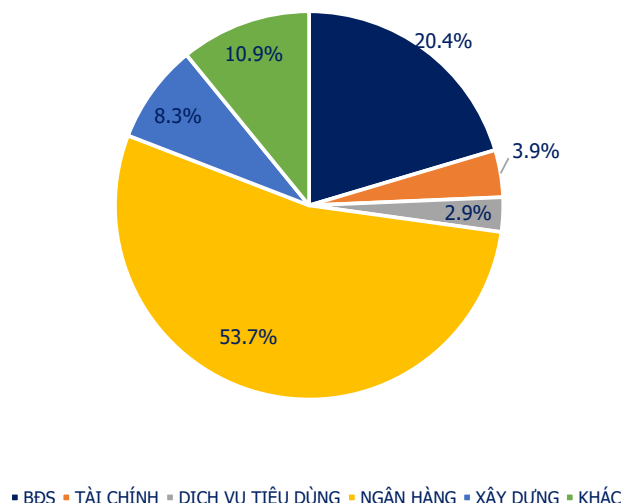
#### CTCP Camimex Group (CMX)

Hội đồng quản trị CMX đã phê duyệt phương án chào bán ra công chúng tối đa 300 tỷ đồng trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền và có tài sản đảm bảo, kỳ hạn tối đa 36 tháng trong Quý 4 2022/ Quý 1 2023.

GTPH TRONG NƯỚC THEO KỲ HẠN (YTD)



GTPH THEO NHÓM NGÀNH (YTD)



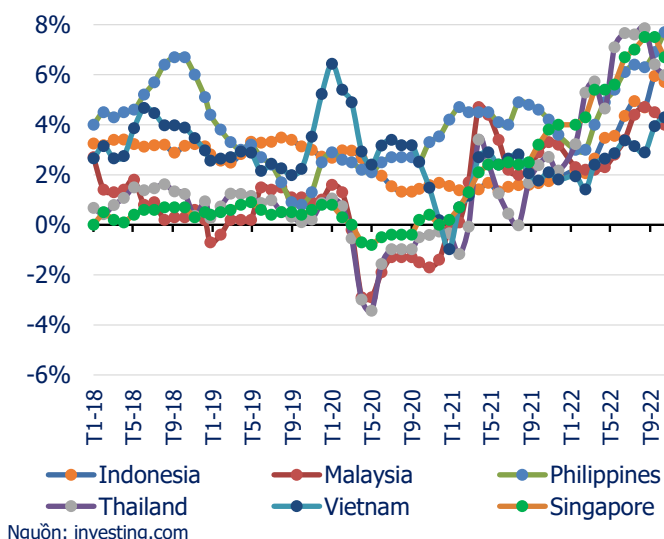
Đơn vị: tỷ đồng

# Báo cáo tuần

## Tin quốc tế

Ngày	Quốc gia	Ngoại Tệ	Tác động	Sự kiện
22/12/2022	Mỹ	USD	Cao	GDP
23/12/2022	Mỹ	USD	Cao	Chỉ số giá PCE lõi
23/12/2022	Canada	CAD	Cao	GDP
30/12/2022	Trung Quốc	EUR	Cao	PMI sản xuất
02/1/2023	EU	EUR	Cao	PMI sản xuất Đức

### Diễn biến lạm phát các nước trong khu vực



### Chỉ số lạm phát một số nước trong khu vực

Date	Việt Nam	Thái Lan	Singapore	Phillipines
T10 2021	1.77%	2.38%	3.20%	4.60%
T11 2021	2.10%	2.71%	3.80%	4.20%
T12 2021	1.81%	2.17%	4.00%	3.60%
T1 2022	1.94%	3.23%	4.00%	3.00%
T2 2022	1.42%	5.28%	4.30%	3.00%
T3 2022	2.41%	5.73%	5.40%	4.00%
T4 2022	2.64%	4.65%	5.40%	4.90%
T5 2022	2.86%	7.10%	5.60%	5.40%
T6 2022	3.37%	7.66%	6.70%	6.10%
T7 2022	3.14%	7.61%	7.00%	6.40%
T8 2022	2.89%	7.86%	7.50%	6.30%
T9 2022	3.94%	6.41%	7.50%	6.90%
T10 2022	4.30%	5.98%	6.70%	7.70%
T11 2022	4.37%	5.55%	N/A	8.00%

Nguồn: Trading economics

### Lợi suất bình quân của TPCP 5 năm các nước trong khu vực và các nền kinh tế lớn trên thế giới

Đơn vị: %	Tr. Quốc	Nhật Bản	Malaysia	Philippines	Thái Lan	Mỹ	Việt Nam
T8 2021	2.69	(0.12)	2.64	2.73	0.58	0.77	1.00
T9 2021	2.69	(0.10)	2.78	2.85	0.72	0.86	0.91
T10 2021	2.82	(0.10)	2.91	3.17	0.79	0.93	0.93
T11 2021	2.73	(0.08)	3.17	4.15	-	1.20	0.78
T12 2021	2.71	(0.09)	3.14	4.12	-	1.16	0.79
T1 2022	2.51	(0.04)	3.26	3.94	1.51	1.53	0.91
T2 2022	2.50	0.03	3.32	4.31	1.44	1.85	1.09
T3 2022	2.56	0.02	3.33	4.57	1.46	2.11	1.66
T4 2022	2.54	0.02	3.57	5.06	1.85	2.76	2.16
T5 2022	2.56	0.01	3.92	5.61	2.48	2.87	2.36
T6 2022	2.59	0.03	3.84	5.59	2.51	3.19	2.41
T7 2022	2.56	0.01	3.59	5.02	2.08	2.50	1.92
T8 2022	2.44	(0.01)	3.75	5.43	2.03	3.05	3.05
T9 2022	2.44	0.05	3.95	6.21	2.38	3.74	3.58
T10 2022	2.48	0.08	4.21	6.50	2.69	4.18	4.73
T11 2022	2.58	0.08	4.16	6.79	2.43	4.06	4.82
T12 2022	2.71	0.12	3.86	6.44	2.06	3.69	4.80

LS giảm  
LS tăng

Nguồn: investing.com



# Báo cáo tuần

## Phụ lục 1

### Kết quả đấu thầu TPCP (tuần 12/12 - 16/12/2022)

STT	Mã TP	TCPH	Kí hạn	Ngày	GTGT (tỷ)	GTĐT (tỷ)	GTTT (tỷ)	LSTT (%)	Tđổi (bps)
1	TD2237126	KBNN	15	14/12/2022	3,000	9,357	3,000	4.9	0
2	TD2232114	KBNN	10	14/12/2022	6,000	18,010	6,000	4.8	0

### Kế hoạch đấu thầu (tuần 19/12 - 23/12/2022)

STT	Ngày	TCPH	Mã TP	Kiểu phát hành	Kí hạn	Giá trị (tỷ)
1	22/12/2022	KBNN	TD2232114	Bổ sung	10	3,000
2	22/12/2022	KBNN	TD2237126	Bổ sung	15	3,000

### Kế hoạch đấu thầu Trái phiếu Chính phủ Quý 4 năm 2022

STT	Kỳ hạn	Khối lượng dự kiến
1	5 năm	3,000 tỷ đồng
2	7 năm	2,000 tỷ đồng
3	10 năm	60,000 tỷ đồng
4	15 năm	30,000 tỷ đồng
5	20 năm	2,000 tỷ đồng
6	30 năm	3,000 tỷ đồng
<b>Tổng mức phát hành</b>		<b>100,000 tỷ đồng</b>

### Top 10 mã trái phiếu có GTGD outright lớn nhất trong tuần

STT	Mã TP	GTGD (tỷ)	Kí hạn gốc	Kí hạn còn lại	LS Giao dịch
1	TD2151043	1,321	30	28.7	3.9863 - 5.5
2	TD2136029	1,089	15	13.7	2.297 - 2.4
3	TD2050036	1,000	30	27.8	5.5 - 5.5
4	TD1530289	955	15	7.4	3.644 - 5
5	TD1631462	871	15	8.3	3.6496 - 3.6496
6	TD2035021	852	15	12.1	2.1885 - 2.19
7	TD2035028	793	15	12.9	2.1585 - 2.25
8	TD2237126	481	15	14.9	4.9 - 4.9
9	TD2030014	475	10	7.5	3.6952 - 4.0961
10	TD2035025	420	15	12.7	2.2285 - 3.8731



# Báo cáo tuần

## Phụ lục 2

### Trái phiếu doanh nghiệp phát hành trong tháng 12/2022

TỔ CHỨC PHÁT HÀNH	PHƯƠNG THỨC PHÁT HÀNH	GTPH (tỷ đồng)	MÃ TP	LOẠI HÌNH DNPH	NGÀY PHÁT HÀNH	LÃI SUẤT	KỶ HẠN (năm)
CTCP DƯỢC PHẨM TENAMYD	RIÊNG LẺ	20	TENCH2223001	DƯỢC PHẨM VÀ Y TẾ	12/12/2022	KỶ ĐẦU: 14%/NĂM, CÁC KỶ SAU = LSTK 12T CAO NHẤT MBB + 6%/NĂM NHƯNG KHÔNG THẤP HƠN 12%/NĂM	1.00
CTCP DƯỢC PHẨM TENAMYD	RIÊNG LẺ	30	TENCH2226004	DƯỢC PHẨM VÀ Y TẾ	12/12/2022	KỶ ĐẦU: 14%/NĂM, CÁC KỶ SAU = LSTK 12T CAO NHẤT MBB + 6%/NĂM NHƯNG KHÔNG THẤP HƠN 12%/NĂM	4.00
CTCP DƯỢC PHẨM TENAMYD	RIÊNG LẺ	20	TENCH2228006	DƯỢC PHẨM VÀ Y TẾ	12/12/2022	KỶ ĐẦU: 14%/NĂM, CÁC KỶ SAU = LSTK 12T CAO NHẤT MBB + 6%/NĂM NHƯNG KHÔNG THẤP HƠN 12%/NĂM	6.00
CTCP DƯỢC PHẨM TENAMYD	RIÊNG LẺ	20	TENCH2227005	DƯỢC PHẨM VÀ Y TẾ	12/12/2022	KỶ ĐẦU: 14%/NĂM, CÁC KỶ SAU = LSTK 12T CAO NHẤT MBB + 6%/NĂM NHƯNG KHÔNG THẤP HƠN 12%/NĂM	5.00
CTCP DƯỢC PHẨM TENAMYD	RIÊNG LẺ	30	TENCH2224002	DƯỢC PHẨM VÀ Y TẾ	12/12/2022	KỶ ĐẦU: 14%/NĂM, CÁC KỶ SAU = LSTK 12T CAO NHẤT MBB + 6%/NĂM NHƯNG KHÔNG THẤP HƠN 12%/NĂM	2.00
CTCP DƯỢC PHẨM TENAMYD	RIÊNG LẺ	30	TENCH2225003	DƯỢC PHẨM VÀ Y TẾ	12/12/2022	KỶ ĐẦU: 14%/NĂM, CÁC KỶ SAU = LSTK 12T CAO NHẤT MBB + 6%/NĂM NHƯNG KHÔNG THẤP HƠN 12%/NĂM	3.00
CT TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG THÀNH NGUYÊN	RIÊNG LẺ	500	TNECH2227001	NĂNG LƯỢNG	9/12/2022	KỶ ĐẦU: 13%/NĂM, CÁC KỶ SAU = LSTK 12T VND TPB +4.8%/NĂM NHƯNG KHÔNG THẤP HƠN 13%/NĂM	5.00
CTCP ĐẦU TƯ NAM LONG	RIÊNG LẺ	500	NLGH2229002	XÂY DỰNG	13/12/2022	LS CƠ BẢN CỔ ĐỊNH + 3.5%/NĂM	7.00



Cám ơn quý vị đã đọc bản tin hàng tuần của VBMA.  
Nếu quý vị cần biết thêm thông tin chi tiết,  
xin vui lòng liên hệ:

---

## **HIỆP HỘI THỊ TRƯỜNG TRÁI PHIẾU VIỆT NAM**

Tầng 17, Tháp Gelex, 52 Lê Đại Hành,  
Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội  
Điện thoại: (84) 24 3974 8781  
Fax: (84) 4 3974 8782  
Website: <http://www.vbma.org.vn/>

---

### **QUYỀN MIỄN TỪ TRÁCH NHIỆM:**

*Những thông tin và quan điểm được trình bày trong Bản tin này là kết quả của hoạt động nghiên cứu của Hiệp hội Thị trường Trái phiếu Việt Nam (VBMA). VBMA không cam kết hay đảm bảo về tính chính xác hay đầy đủ của các thông tin này. VBMA không chịu trách nhiệm về bất cứ tổn thất, thua lỗ nào phát sinh do sử dụng báo cáo này và các thông tin trong đó. Báo cáo này được thực hiện đơn thuần nhằm mục đích cung cấp thông tin và người xem không được phép sao chép, phân phối hay xuất bản vì bất cứ mục đích gì.*